TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 184/2017/QĐST-HNGĐ	*Cầu Ngang, ngày 14 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 258/2017/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 6 năm 2017 giữa:

- ***Nguyên đơn***: Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1987;
Địa chị: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- ***Bị đơn***: Nguyễn Văn T, sinh năm 1980;
Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ váo các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn;

- **Về con chung tên**: Nguyễn Minh T sinh ngày 07/7/2009, cháu T có nguyện vọng được sống chung với chị Nguyễn Thị Mỹ D. Chị D và anh T thỏa thuận về quyền nuôi con như sau:

Chị Nguyễn Thị Mỹ D được quyền nuôi cháu Nguyễn Minh T sinh ngày 07/7/2009.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi controng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T thỏa thuận cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 07/7/2009 cấp hàng tháng, mỗi tháng là 700.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 14 tháng 7 năm 2017, cấp cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị D và anh T xác định tài sản chung gồm căn nhà cơ bản (cấp 4) dạng độc lập, nền gạch men, vách tường, mái tiếp rô, tổng diện tích 80m^2 (chiều ngang 04m, dài 20m), gắn liền diện tích đất 80m^2, thửa 1997, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh và các loại dụng cụ sửa xe, đồ phụ tùng xe do anh T đang quản lý. Chị D và anh T thống nhất căn nhà gắn liền với đất có giá trị là 250.000.000 đồng và công cụ sửa xe, đồ phụ tùng xe có giá 150.000.000 đồng, tổng giá trị các tài sản là 400.000.000 đồng. Các tài sản này chị D và anh T thỏa thuận chia như sau:

Anh Nguyễn Văn T được chia:

+ Anh T được quyền sử dụng đất diện tích 80m^2, thửa số 1997, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, do anh T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng.

+ Anh T được quyền sở hữu căn nhà cơ bản (cấp 4) dạng độc lập, nền gạch men, vách tường, mái tiếp rô, tổng diện tích 80m^2 (chiều ngang 04m, dài 20m), gắn liền thửa đất số 1997, tọa lạc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

+ Anh T được quyền sở hữu tất cả công cụ sửa xe, đồ phụ tùng xe hiện anh T đang quản lý, sử dụng.

Chị Nguyễn Thị Mỹ D được chia: Giá trị căn nhà, đất và các tài sản là công cụ sửa xe, đồ phụ tùng xe như trên với số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Anh Nguyễn Văn T tự nguyện giao 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) cho chị Nguyễn Thị Mỹ D.

- Thời hạn giao tiền: Chị D và anh T thỏa thuận do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang giải quyết theo Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi được quy định tại khoản 02 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Tòa án đã giải thích Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị D và anh T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị D tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010670, ngày 06 tháng 6 năm 2017. Chị D được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị D tự nguyện nộp 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 11.543.000 đồng (Mười một triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010671, ngày 06 tháng 6 năm 2017. Chị D được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 6.543.000 đồng (Sáu triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn).

+ Anh Nguyễn Văn T tự nguyện nộp 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn T tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi Cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kim Thoa